

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

ISSN: 2734-9195

ĐẠI SƯ TÂY SƠN DẪN THÂN BẢO VỆ NỀN ĐỘC LẬP Ở TRIỀU TIÊN

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU

PHẬT HỌC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

ISSN: 2734-9195





Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: *Contents History*

Đại sư Tây Sơn



Đại sư Tây Sơn (1520-1604), có đạo hiệu Thanh Hư Đường Tập hay còn gọi là Đại sư Thanh Hư đường Hư Tĩnh. Vị cao tăng thạc đức danh tiếng nhất Triều Tiên vào giữa cuối thế kỷ 16 đầu thế kỷ 17, thuộc Thiền phái Tào Khê, Phật giáo Hàn Quốc.

Cuộc đời của Ngài nổi bật qua công cuộc phát huy ánh sáng từ bi, trí tuệ, hùng lực, truyền bá tư tưởng tự do bình đẳng của đạo Phật, triết lý và biên soạn các tác phẩm Thiền tông.

Tổ quốc và nhân dân Triều Tiên khắc ghi công ơn của Đại sư Tây Sơn qua hoạt động duy trì, chiến đấu bảo vệ nền độc lập Triều Tiên, kêu gọi tăng sĩ Phật giáo trong thời chiến, tạm cởi áo cà sa, khoác chiến bào, xông pha ra chiến trường kháng chiến chống quân xâm lược Nhật Bản vào cuối thế kỷ 16.

Quốc võ Đai Quyền Đạo (Taekwon-Do Seo-San), được đặt tên để vinh danh Đại sư Tây Sơn.

Quốc võ Đai Quyền Đạo là môn thể thao quốc gia của Hàn Quốc và là loại hình võ đạo thường được tập luyện nhiều nhất của người dân nước này. Đây cũng là một trong những môn thể

thao phổ biến nhất trên thế giới.

Đại sư Tây Sơn sinh vào ngày 26 tháng 3 năm 1520, niên hiệu Triều Tiên Trung Tông năm thứ 15, tại Anju, tỉnh Pyeongan-do, Triều Tiên. Ngài tục danh Thôi Nhữ Tín. Thế nhân thường gọi Đại sư Tây Sơn, Tăng Tướng quân, Nghĩa Tăng Tướng, Bạch Hoa Đạo nhân, Phong Nhạc Sơn nhân, Đầu Lưu Sơn nhân, Diệu Hương Sơn nhân, và sau khi từ chức “Thiền giáo Lương tông Phán sự”, Ngài có danh xưng “Tào Khê Thoái Ẩn”, Cứu Quốc, Đại Công, Tông Vân...và nhiều danh hiệu khác nữa.

Thân phụ của Ngài là cụ ông Thôi Thế Xương và Hiền mẫu của Ngài là cụ bà Kim Thị. Năm lên 9 tuổi, Hiền mẫu của Ngài đã từ trần, và sau đó cụ Thân sinh lại từ giã thế gian. Sau đó, Ngài đi theo một người bạn của cha là cụ Lý Tư Tăng đến Seoul và bắt đầu sự nghiệp học văn tập võ trong 3 năm tại Đại học Thành Quân Quán - học viện giáo dục cao nhất vào triều đại Joseon, Triều Tiên.

Năm lên 14 tuổi, Ngài trở nên thông minh xuất chúng, nhưng Ngài vẫn cảm thấy thất vọng bởi rất khó để có thể dành được một vị trí quan lại trong bộ máy triều đình khi bị trượt kỳ thi chính thức, sự thiếu hụt về nền tảng gia đình vững chắc. Với những cảm giác thất vọng về thực tại của mình, Ngài cùng một số bạn hữu quyết định du hành đến những nơi mà họ có thể tìm thấy các vị Đại Đạo sư Phật giáo với trí tuệ siêu phàm nhất.

Tại Trí Dị sơn, Ngài đến một tiểu Am gần ngôi già lam cổ tự Tân Hưng, bái kiến Trưởng lão Hòa thượng Sùng Nhân, người đã có tác động rất lớn đến quyết định tối hậu của Ngài.

Nơi đây, Trưởng lão Hòa thượng Sùng Nhân hướng dẫn Ngài tham học Phật pháp. Ngài đã đặt câu hỏi: *“Làm thế nào để Chân tâm hiển hiện? Tâm người giác ngộ như thế nào?”*.

Trưởng lão Hòa thượng Sùng Nhân trả lời: *“Tâm không phải là một vật và không thể diễn tả nó qua ngôn ngữ. Không ngoại hình, màu sắc, kích cỡ, trọng lượng, tâm thuộc về một thế giới mà không thể biết được thông qua cái biết của bộ não. Do đó, để có thể tỏ ngộ được tự tâm, mỗi người phải tự tu hành tự thành Phật đạo”*. Sau đó, Trưởng lão Hòa thượng Sùng Nhân nhấn mạnh rằng: *“Nếu con đọc kỹ và quán chiếu Kinh văn sâu sắc. Con có thể vào đất Chân tâm một cách dễ dàng”*.

Vì trước kia đã quen với việc nghiên cứu và đọc các sách Nho Giáo, Ngài nhanh chóng quen với việc nghiên tầm Tam Tạng Kinh Điển, kinh văn Phật giáo và ngộ ra sự vô thường nhân sinh và điều thiết yếu của việc tu tập. Trong khi những người bạn đã quay trở lại Seoul, Ngài quyết định ở lại đây tu tập và đành lễ Trưởng lão Hòa thượng Sùng Nhân xin làm đệ tử và tiếp tục tu học Phật pháp.

Ngài vân du đó đây các nơi như Hoa Nghiêm động, Thất Phật động. Sau đó, Ngài đành lễ xin tham cứu Thiền học với Thiền sư Phù Dung Linh Quán (1485 - 1572), vị Thiền sư ngộ đạo nhờ chuyên tâm thực hành Tham thoại đầu và từ việc tầm chương trích cú kinh văn giáo lý. Dưới sự hướng dẫn của Thiền sư Phù Dung, Ngài chuyên tâm tham Thiền trong nhiều năm và có sự phát sinh trí huệ, nhưng vẫn chưa đại ngộ, và vì thế Ngài càng quyết tâm dụng công phu tu

tập hơn. Một đêm nọ, khi đang tọa Thiền, Ngài nghe tiếng chim cu hót và hoá nhiên đại ngộ. Ngài liền ngẫu hứng thuyết kệ ngộ đạo:

十年端坐雍心誠
觀得深林鳥不驚
昨夜從潭風雨渥
魚生一覺鸞三聲

*Thập niên đoan tọa ủng tâm thành,
Quán đắc thâm lâm điểu bất kinh,
Tạc dạ tùng đàm phong vũ ức;
Ngư sanh nhứt giác, hạc tam thanh.*

Dịch:

*Mười năm ngồi tĩnh lặng tâm an,
Chim ẩn non cao thấy chẳng màng,
Đêm qua mưa sũng bên đầm lạnh;
Cá bồng tỉnh giấc hạc kêu oang.*
(Thích Nguyên Hiền dịch)

Sau đó, sư được Thiền sư Phù Dung ấn khả chứng minh và truyền pháp kế vị truyền thừa Thiền phái Tào Khê đời thứ 63 tính từ sơ tổ Ma Ha Ca Diếp, đời thứ 36 tính từ tổ Bồ Đề Đạt Ma và đời thứ 7 tính từ Thiền sư Thái Cổ Phổ Ngu (1301-1382).

Đến năm 30 tuổi, Ngài nhậm chức Trụ trì Tổ đình Phụng Ân Tự và sau đó Ngài vân du khắp các chốn tông lâm đại tự hoàng dương Phật pháp.

Năm 32 tuổi, sư bắt đầu giảng dạy và truyền bá Phật pháp, đứng đầu trong việc kiểm tra các hoạt động tu tập tại các cơ sở tự viện Phật giáo. Và sau đó trở thành vị lãnh đạo tối cao của Phật giáo Triều Tiên lúc bấy giờ, cả về truyền thống thực hành Thiền Tông (Thiền) và nghiên cứu Kinh Điển (Giáo). Tuy nhiên, sau đó sư từ chức và trở về ngọn núi Kim Cương và tiếp tục thực hành Thiền định và thu nhận, hướng dẫn tu tập cho các vị thiền sinh trẻ tuổi cũng như sáng tác các tác phẩm thiền học.



Đại sư Tây Sơn

“Chiến đấu”

Năm 1552, niên hiệu Triều Tiên Minh Tông năm thứ 7, sau khi tốt nghiệp Đại học Thành Quân Quán và được bổ nhiệm chức “Thiền giáo Lương tông Phán sự”. Sự thành đạt và được chấp nhận của trong thời đại quân chủ Triều Tiên, là một sự kiện nổi bật trong chính sách Phật giáo của triều đại Triều Tiên.

Năm 1592, sau khi Phong Thần Tú Cát cai trị và ổn định Nhật Bản trong Thời đại Chiến Quốc xong, Đại sư Tây Sơn ta đã chuẩn bị cho một cuộc xâm lược quy mô lớn vào Triều Tiên dưới triều đại Joseon. Năm 1592, sau khi yêu cầu của Nhật Bản về viện trợ để Nhật Bản chinh phục nhà Nguyên Trung Quốc bị Joseon từ chối, khoảng 200.000 binh lính Nhật Bản đã tiến vào xâm lược Triều Tiên. Lúc này, Đại sư Tây Sơn 72 tuổi đang ẩn cư trên núi Diệu Hiền.

Mặc dù dưới triều đại Joseon, Phật giáo Triều Tiên phải đối mặt với sự khinh miệt và bài trừ do chính sách đàn áp Phật Giáo và tôn sùng Nho Giáo do tướng Lý Thành Quế ban hành nhằm thu hút sự ủng hộ chính trị của các Nho sĩ để củng cố quyền lực và chống lại các đối thủ chính trị gia Phật giáo khi ông lật đổ Cung Nhượng Vương của triều Cao Ly và lên ngôi Triều Tiên Thái Tổ. Tuy nhiên, Đại sư Tây Sơn vẫn nghĩ về lợi ích quốc gia và nói với các môn đệ rằng mặc dù quốc gia đã từ bỏ Phật Giáo, nhưng Phật giáo không bao giờ từ bỏ quốc gia, vì quốc gia là nơi mà vô số chúng sinh cần được cứu độ thông qua đại từ bi tâm. Ngay cả khi ở độ tuổi 73, Đại sư vẫn đứng lên kêu gọi và chiêu mộ hơn 5000 tăng sĩ yêu nước và chỉ huy, lãnh đạo họ chiến đấu chống quân xâm lược và góp phần quan trọng vào những chiến thắng quân sự và cuối cùng đánh bại quân Nhật vào năm 1598.

Vào thời “Biến loạn Nhâm Thìn”, Quốc vương Triều Tiên Tuyên Tổ đã ban Thánh chỉ phong Đại

sư Tây Sơn chức “Tổng nhiếp Bát Đạo Đô”, và hiệu triệu tăng sĩ Phật giáo toàn quốc nổi dậy kháng chiến chống Đế quốc Nhật xâm lược. Mặc dù trên cương vị “Tổng chỉ huy Bát đạo Tăng binh”, nhưng do tuổi cao sức yếu, Ngài đã trao quyền Tướng thống lĩnh Chỉ huy Tăng binh cho đệ tử là Đại sư Duy Chính Tứ Minh.

Thị tịch

Sau khi lãnh đạo các tăng sĩ chiến đấu chống lại quân xâm lược Nhật Bản thành công, Đại sư đã trao lại nhiệm vụ lãnh đạo này lại cho các đệ tử của mình và quay trở lại núi và chuyên tâm tu hành.

Vào ngày 23 tháng 1 năm 1604, với tuyết phủ xung quanh Am Viên Tịch, Diệu Hiền, tỉnh Pyeongan-do, Triều Tiên. Đại sư thuyết pháp lần cuối cho các môn đệ về công án “Tâm” mà mình đã trọn đời tu tập. Và trao bức chân dung của mình cho các môn đệ và viết những lời cuối cùng: “*Tám mươi năm trước, thứ đó chính là tôi. Tám mươi năm sau, và bây giờ tôi không còn là thứ đó*”.

Ngài ngồi kiết già trong tư thế hoa sen và thanh thản an nhiên Viên tịch. Hưởng thọ 84 tuổi, Giới lập 67 Hạ. Đại Sư để lại nhiều tác phẩm Thiền học quý báu, trong đó tác phẩm Thiền Gia Quy Giám đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, trong đó có bản tiếng Việt.

Đại sư đã đào tạo hơn 1000 môn đệ và trong số đó có hơn 70 nhân vật xuất chúng. Trong số những vị này, 4 môn đệ xuất sắc nhất là: Đại sư Tứ Minh (1544 -1610), Thiền sư Tiên Dương Ngạn Cơ (1581~1644), Đại sư Tiêu Dao Thái Năng (1562-1649), Đại sư Tĩnh Quán Nhất Thiên (1533 -1608).

Những trước tác (, 著作) của Ngài lưu lại hậu thế:

“Thiền gia Quy Giám” (가 , 禪家龜鑑)

“Nho gia Quy Giám” (가 , 儒家龜鑑)

“Đạo gia Quy giám” (가 , 道家龜鑑)

“Thiền giáo Thích” (, 禪教釋)

“Thiền giáo Quyết” (, 禪教訣)

“Tâm Pháp Yếu Sao” (, 心法要抄)

“Vân Thủy Đàn” (, 雲水壇)

“Thuyết Thiền Nghi” (, 說禪儀)

“Tam Lão Hành Tích” (, 三老行蹟)

“Thanh Hư Đường Tập” (, 淸虛堂集)

Đại sư Tây Sơn là một vị Thánh Tăng thị hiện trên mảnh đất đầy biến động của giai đoạn cuối thế kỷ 16 Triều Tiên, Ngài đã mỗi ngọn đèn Thiền Đạt Ma, nối mạng mạch suối nguồn Tào Khê tuôn dòng chảy vô tận, Ngài là một trong những vị tỏa sáng ánh quang minh Từ bi, Trí tuệ, đại hùng đại lực của Phật giáo Hàn Quốc.

Sự thị hiện của Ngài chính là một đóa sen, nằm giữa ao bùn mà vẫn toả ngát hương, ngào ngạt khắp muôn phương. Đại sư Tây Sơn đã viên tịch thời gian bao thế kỷ, hành trạng cuộc đời

và sự nghiệp của Ngài, thời gian trăm năm trôi qua, nhưng danh thơm tiếng tốt của Ngài mãi với non sông đất nước Hàn Quốc, trái tim của Ngài vẫn cùng nhịp thở với muôn vật và con người xứ Kim Chi.

Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: *Contents History*